

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SU

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Kinh tế; Chuyên ngành: Quản trị Kinh doanh

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **NGUYỄN THỊ KHÁNH CHI**

2. Ngày tháng năm sinh: 02/09/1984 ; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh ; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Trạch Mỹ Lộc, huyện Phúc Thọ, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): 14A ngách 173/134 Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Phòng 17A3, tòa nhà CT4 Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0989989284

E-mail: chintk@ftu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm: 7/2007 đến tháng 9/2007: Giảng viên thử việc của Trường Đại học Ngoại thương Hà Nội.

A handwritten signature in blue ink, appearing to be 'shar'.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Từ tháng 10/2007 đến tháng, năm 12/2011: Giảng viên trợ giảng của Trường Đại học Ngoại
thương Hà Nội

Từ tháng, năm: 1/2012 đến tháng, năm: 1/2020: Giảng viên Khoa Quản trị Kinh doanh –
Trường Đại học Ngoại thương.

Từ tháng, năm: 02/2020 đến nay: Giảng viên chính Khoa Quản trị Kinh doanh – Trường
Đại học Ngoại thương

Từ tháng, năm: ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến nay: Trưởng Bộ môn Quản trị Khách sạn-
Khoa Quản trị Kinh doanh- Trường Đại học Ngoại thương Hà Nội.

Chức vụ hiện nay: Trưởng Bộ môn Quản trị Khách sạn – Khoa Quản trị Kinh doanh –
Trường Đại học Ngoại thương; Chức vụ cao nhất đã qua:

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Ngoại thương

Địa chỉ cơ quan: Số 91 Chùa Láng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại cơ quan: (84-24)32595158

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn
hợp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 28 tháng 12 năm 2006; số văn bằng: C820415; ngành: Kinh tế,
chuyên ngành: Kinh tế đối ngoại;

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Ngoại thương, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 20 tháng 5 năm 2010; số văn bằng:....; đã vào sổ đăng ký số:
007118/CNVB_ThS của Cục Khảo thí và Kiểm định giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo;
ngành: Kinh tế; chuyên ngành: Kinh doanh Quốc tế;

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học La Trobe (La Trobe University), nước
Úc.

- Được cấp bằng TS ngày 14 tháng 10 năm 2019; số văn bằng: FTU.TS/00005; số vào sổ
cấp bằng: TS.2019/5; ngành: Kinh tế, chuyên ngành: Quản trị Kinh doanh.

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Ngoại thương, Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày .. tháng nămngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Kinh tế
Quốc dân

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Kinh tế

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Hướng nghiên cứu về Marketing

Hướng nghiên cứu về vai trò của ứng dụng công nghệ thông tin trong kinh doanh

Hướng nghiên cứu về phát triển doanh nghiệp

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng): 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng): 06 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành (số lượng): 06 đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên, trong đó:
 - +) Chủ nhiệm: 02 đề tài NCKH cấp cơ sở (do Trường Đại học Ngoại thương tài trợ)
 - +) Chủ nhiệm: 01 chương trình nghiên cứu do Trường Đại học Ngoại thương tài trợ
 - +) Thành viên tham gia 02 đề tài NCKH cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo
 - +) Thành viên tham gia 01 đề tài NCKH cấp cơ sở (do Trường Đại học Ngoại thương tài trợ).
- Đã công bố (số lượng): 54 bài báo khoa học, trong đó có 20 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus, 34 bài báo trên tạp chí uy tín trong nước.
- Đã được cấp (số lượng): 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 03, trong đó 03 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo vì “Đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hai năm liên tục từ năm học 2020-2021 đến năm học 2021-2022”, theo Quyết định số 3708/QĐ-BGDĐT ngày 16 tháng 11 năm 2022.
- Giấy khen của Hiệu trưởng trường Đại học Ngoại thương vì “Chương trình nghiên cứu hoàn thành trước thời hạn năm học 2021-2022”, theo Quyết định số 1436/QĐ-ĐHNT ngày 05 tháng 5 năm 2023.
- Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2016-2017, theo Quyết định số 2557/QĐ-ĐHNT ngày 30 tháng 11 năm 2017.
- Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2021-2022, theo Quyết định số 2552/QĐ-ĐHNT ngày 05 tháng 9 năm 2022.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Trong suốt quá trình 11 năm 6 tháng công tác tại Trường Đại học Ngoại thương, tôi tự đánh giá mình luôn đáp ứng mọi yêu cầu, tiêu chuẩn của một nhà giáo giảng dạy tại

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước trường Đại học và cũng luôn hoàn thành đầy đủ các nhiệm vụ của một nhà giáo, cụ thể như sau:

- Về phẩm chất đạo đức và lối sống: Tôi có phẩm chất đạo đức tốt, có lối sống lành mạnh, hòa đồng với đồng nghiệp, nhiệt tình và tâm huyết với sinh viên, có tinh thần trách nhiệm cao trong công tác và cuộc sống, luôn cố gắng nỗ lực hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, tôi luôn tự ý thức và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công dân, nghĩa vụ của nhà giáo, chấp hành tốt mọi chủ trương đường lối của Đảng và nhà nước. Tôi cũng luôn tuân thủ và thực hiện đầy đủ các quy định, quy chế làm việc quy định tại Luật giáo dục Việt Nam và quy chế làm việc của trường Đại học Ngoại thương.

- Về công tác giảng dạy: Tôi luôn hoàn thành các nhiệm vụ giảng dạy được giao, chất lượng giảng dạy tốt, nhận được nhiều phản hồi tích cực từ sinh viên và học viên cao học, luôn cố gắng nỗ lực đổi mới phương pháp giảng dạy để nâng cao hiệu quả giảng dạy và tạo sự hứng khởi cho sinh viên.

- Về nghiên cứu khoa học: Tôi luôn hoàn thành vượt mức số giờ nghiên cứu khoa học định mức quy định theo quy chế làm việc của Nhà trường, tích cực tham gia các đề tài, dự án nghiên cứu, luôn nỗ lực, cố gắng tìm tòi và hoàn thiện các phương pháp, kỹ năng nghiên cứu khoa học.

- Về học tập, tự bồi dưỡng: Tôi luôn không ngừng học tập, tích cực tham gia các khóa học như các khóa học, cũng như các khóa đào tạo để đạt chuẩn về chức danh nhà giáo, đồng thời tôi không ngừng tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng, và phương pháp giảng dạy cũng như nghiên cứu khoa học.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo:

Từ thời điểm tôi là giảng viên của Trường đại học Ngoại thương (01/01/2012) đến thời điểm hiện tại (30/6/2023), thời gian tôi tham gia đào tạo từ trình độ đại học trở lên là 11 năm 6 tháng.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2017-2018	0	0	0	8	180	0	180/280/270
2	2018-2019	0	0	0	6	270	0	270/345/270
3	2019-2020	0	0	0	4	225	0	225/275/270
03 năm học cuối								
4	2020-2021	0	0	2	8	90	0	90/260/135

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

5	2021-2022	0	0	2	4	405	30	405/525/270
6	2022-2023	0	0	2	5	360	45	360/492,5/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH; tại nước: Úc năm 2019

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ tiếng anh bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Bùi Bích Phượng		HVCH	x		Tháng 1/2020 đến 6/2021	Trường Đại học Ngoại thương	Ngày 26 tháng 11 năm 2021, số Quyết định cấp bằng tốt nghiệp:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

								2874/QĐ-ĐHNT
2	Trần Thu Sinh		HVCH	X		Tháng 1/2020 đến 6/2021	Trường Đại học Ngoại thương	Ngày 26 tháng 11 năm 2021, số Quyết định cấp bằng tốt nghiệp: 2874/QĐ-ĐHNT
3	Nguyễn Hương Thảo		HVCH	X		Tháng 10/2021 đến 3/2022	Trường Đại học Ngoại thương	Ngày 15/8/2022, số Quyết định cấp bằng tốt nghiệp: 2215/QĐ-ĐHNT
4	Nguyễn Phi Tuấn		HVCH	X		Tháng 9/2021 đến 2/2022	Trường Đại học Ngoại thương	Ngày 5/8/2022, số Quyết định cấp bằng tốt nghiệp: 2173/QĐ-ĐHNT
5	Dương Thanh Thanh		HVCH	X		Tháng 4/2022 đến 9/2022	Trường Đại học Ngoại thương	Ngày 31/3/2023 số Quyết định cấp bằng tốt nghiệp 944/QĐ-ĐHNT
6	Dương Đình Phương		HVCH	X		Tháng 4/2022 đến 9/2022	Trường Đại học Ngoại thương	Ngày 31/3/2023 số Quyết định cấp bằng tốt nghiệp 944/QĐ-ĐHNT

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1	Giáo trình Thương mại điện tử căn bản	GT	NXB Bách Khoa – Hà Nội năm 2012. Giấy phép xuất bản số 268-	12	2	Phản biên soạn: tr 50 đến tr 124	Giấy xác nhận ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Hiệu trưởng

			2012/CXB/20-07/HĐ				trường Đại học Ngoại thương
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1	Quản trị quan hệ khách hàng điện tử trong ngành dịch vụ	TK	NXB Lao động Xã hội năm 2020. Giấy phép xuất bản số 4254-2020/CXBIPH/01-219/LĐXH. ISBN: 978-604-65-5347-2	12	1	Phần biên soạn: tr 17 tr 146	Giấy xác nhận ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Hiệu trưởng trường Đại học Ngoại thương
2	Phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam-Vai trò của cải thiện môi trường kinh doanh	CK	NXB Lao động năm 2023. Giấy phép xuất bản số 1341-2023/CXBIPH/06-89/LĐ. ISBN: 978-604-393-713-8	6	2	Phần biên soạn: tr 17 đến tr 1, tr 307 đến tr 328	Giấy xác nhận ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Hiệu trưởng trường Đại học Ngoại thương

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
1	Đề tài: Ứng dụng Quản trị quan hệ khách hàng điện tử tại Hãng hàng không	Chủ nhiệm	NTCS2018-12	Tháng 04/2018 đến	Quyết định số 1651/QĐ-ĐHNT ngày 16/7/2019 về việc thành lập Hội đồng nghiệm thu

	Quốc gia Việt Nam (Vietnam Airlines)			tháng 09/2019	chính thức. Biên bản họp hội đồng đánh giá nghiệm thu chính thức ngày 18/7/2019. Xếp loại: Tốt.
2	Đề tài: Xây dựng khung năng lực nhân sự quản lý kinh doanh trong các ngân hàng thương mại Việt Nam	Thành viên chính	NTCS2018-13	Tháng 04/2018 đến 09/2019	Quyết định số 1650/QĐ-ĐHNT về việc thành lập Hội đồng nghiệm thu chính thức đề tài. Biên bản họp hội đồng đánh giá nghiệm thu ngày 18/7/2019. Xếp loại: Tốt
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
1	Đề tài: Ứng dụng thương mại điện tử trong hoạt động logistic của ngành bán lẻ Việt Nam	Chủ nhiệm	NTCS2021-32	Tháng 07/2021 đến tháng 06/2022	Quyết định số 1456/QĐ-ĐHNT về thành lập Hội đồng nghiệm thu chính thức đề tài KH&CN ngày 03/6/2022. Biên bản họp hội đồng đánh giá nghiệm thu chính thức đề tài ngày 15/6/2022. Xếp loại: Tốt.
2	Chương trình: Nghiên cứu hành vi của du khách để phát triển du lịch sinh thái	Trưởng chương trình	FTURP02- 2020-12	Tháng 01/2020 đến 12/2022	Quyết định số 3133/QĐ-ĐHNT về việc thành lập Hội đồng nghiệm thu Chương trình nghiên cứu nhóm 2. Biên bản thanh lý hợp đồng triển khai CTNC số TL/FTURP02-2020- 12. Xếp loại: Tốt
3	Đề tài: Hợp tác giữa cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp trong thúc đẩy học tập suốt đời- Kinh nghiệm quốc tế và đề xuất giải pháp cho Việt Nam	Thành viên chính	CT.2019.07.05	Tháng 06/2019 đến 06/2021	Quyết định số 3887/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2022 về việc thành lập HỘ đồng đánh giá nghiệm thu đề tài. Biên bản họp hội đồng đánh

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

					giá nghiệm thu đề tài cấp bộ ngày 09/12/2022. Xếp loại: Đạt
4	Đề tài: Xây dựng thương hiệu số của các doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0	Thành viên chính	B2018-NTH-21	Tháng 01/2018 đến 12/2019	Quyết định số 1646/QĐ-BGDĐT ngày 23/6/2020 về việc thành lập Hội đồng đánh giá nghiệm thu. Biên bản thanh lý hợp đồng thực hiện đề tài ngày 30/6/2020. Xếp loại: Đạt
5	Đề tài: Tác động của ứng dụng AI Chatbot đến hành vi mua lại của người tiêu dùng trong lĩnh vực bán lẻ trực tuyến ở Việt Nam	Chủ nhiệm	B2023-NTH-01	Tháng 1/2023 đến 12/2024	Đang thực hiện

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

T	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tạp, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
1	Thương vụ mua lại Paypal của eBay: cái kết không có hậu	1	x	Tạp chí Kinh tế đối ngoại. ISSN: 1859-4050			Số 92 năm 2017, trang 45-51	3/2017

2	Thực trạng quản trị quan hệ khách hàng điện tử (e-CRM) tại Hãng Hàng không Quốc gia Việt Nam	1	x	Tạp chí Kinh tế đối ngoại. ISSN: 1859-4050			Số 105 (6/2018), tr.57-68	6/2018
3	The influence of service quality on customer satisfaction: a case of Vietnam Airlines	1	x	Tạp chí Khoa học - Đại học Đồng Nai. ISSN: 2354-1482			Số 9-2018, tr.24-37	9/2018
4	The empirical study about e-CRM: a case study of Vietnam Airlines	1	x	Tạp chí Khoa học - Đại học Đà Nẵng. ISSN 1859-1531			Tập 127, số 6, tr.51-55	6/2018
5	Các nhân tố ảnh hưởng đến triển khai e-CRM trong ngành hàng không	1	x	Tạp chí Quản lý và Kinh tế Quốc tế. ISSN: 1859-4050			Số 113 (1/2019), tr.3-14	1/2019
6	Thực trạng triển khai e-CRM của các hãng hàng không trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho các hãng hàng không Việt Nam	1	x	Tạp chí Khoa học - Đại học Đồng Nai. ISSN: 2354-1482			Số 12, tr.27-40.	2019
7	Customer loyalty in hotel industry from International Tourist Perspective: The Impact of E-CRM and Service Quality	2	x	International Journal of Business & Management. ISSN 2321-8916. DOI: 10.24940/theijbm/2019/v7/i4/BM1904-041			Tập 7 số 4, trang 175-179	4/2019
8	Determinants on e-tourism service usage: an empirical investigation of Vietnam in emerging economies	2	x	International Journal of Business & Management. ISSN 2321-8916. DOI: 10.24940/theijbm/2019/v7/i8/BM1908-001			Tập 7 số 8, trang 1-9	8/2019
II	Sau khi được công nhận TS							
A	Các bài báo công bố trên tạp chí quốc tế							
9	The Drone delivery services: An innovative application in an emerging economy	3	x	The Asian journal of shipping and logistics. ISSN: 2092-5212. DOI:	ISI (ESCI, Scopus Q2)		Tập 39 số 2, trang 39-45	6/2023

				10.1016/j.ajsl.2023.01.002				
10	The implementation of social responsibility in higher education institutions: the empirical study in an emerging economy	2	x	International journal of Education Economics and Development. ISSN: 1759-5673 print; 1759-5681 online.	ISI (ESCI, Scopus Q4)		Tập 14 số 3 trang 318-331	4/2023
11	Investigating individual intention to make money: can motivation of wealth be a socio-economic leverage?	5	x	Current Psychology. ISSN: 1046-1310. DOI: 10.1007/s12144-023-04413-7	ISI (SSCI, IF=2.387; Scopus Q2)			2/2023
12	Investigating the customer trust in artificial intelligence: The role of anthropomorphism, empathy response, and interaction	2	x	CAAI transactions on Intelligence Technology. ISSN: 2468-2322. DOI: 10.1049/cit2.12133	ISI (IF=7.985, Q1).	3	Số 2023 tập 8, trang 260-273	3/2023
13	The impact of implementing Chatbot on customer visit intention: application for hotel management	1	x	International Journal of Technology marketing. ISSN online: 1741-8798. ISSN print: 1741-878X. DOI: 10.1504/IJTMKT.2023.130017	ISI (ESCI, Scopus Q3)		Tập 17 số 2, trang 148-165	2/2023
14	Green innovation in agriculture development: the impact of environment awareness, technology spillover, and social networks	2	x	International journal of Sustainable Agricultural Management and Informatics. ISSN online: 2054-5827. ISSN print: 2054-5819 DOI: 10.1504/IJSAMI.2023.127539	ISI (ESCI, Scopus Q3)		Tập 9 số 1, trang 56-73	9/2022
15	Driving factors for green innovation in agriculture production: an empirical study in an emerging economy	1	x	Journal of cleaner production. ISSN: 0959-6526. DOI: 10.1016/j.jclepro.2022.132965	ISI (IF=11.07, Scopus Q1)	9	Số 368, tập 2022, 132965	12/2022

16	Transforming travel motivation into intention to pay for nature conservation in national parks: the role of chatbot e-services	1	x	Journal for nature conservation. ISSN: 1617-1381. DOI: 10.1016/j.jnc.2022.126226	ISI (SSCI, IF=2.575, Q2)	4	Số 68, tập 2022, 126226	8/2022
17	Environmentally responsible behaviour in outdoor recreation: the moderating impact of covid-19 related risk perception	1	x	Journal of Tourism Futures. ISSN: 2055-5911. DOI: 10.1108/JTF-09-2021-0234	ISI (ESCI, Scopus Q1)	4		2/2022
18	Ethical consumption behavior towards eco-friendly plastic products: Implication for cleaner production	1	x	Cleaner and Responsible consumption. ISSN: 2666-7843. DOI: 10.1016/j.clrc.2022.100055	Scopus Q3	4	Số 5, tập 2022, trang 100055	7/2022
19	Studying tourist intention on city tourism: the role of travel motivation	2	x	International journal of Tourism cities. ISSN: 2056-5607. DOI: 10.1108/IJTC-03-2021-0042	ISI (ESCI, Scopus Q1)	9	Số 2, tập 8 trang 479-512	5/2022
20	WTPP for ecotourism: the impact of intention, perceived value, and materialism	6		Journal of Hospitality and Tourism Insights. ISSN: 2514-9792. DOI: 10.1108/JHTI-01-2021-0005	ISI (ESCI, Scopus Q2)	6	Số 5, tập 5, trang 1034-1045	12/2022
21	The Impact of Organizational factors on E-CRM success implementation	3	x	VINE Journal of Information and Knowledge Management Systems. ISSN: 2059-5891. DOI: 10.1108/VJIKMS-05-2020-0096	ISI (ESCI, Scopus Q1)	8	Số 4 tập 52, trang 612-629	8/2022
22	Creating customer loyalty through global engagement: the role of university social responsibility	2	x	International Journal of Educational Management. ISSN: 0951-354X. DOI: 10.1108/IJEM-07-2021-0273	ISI (ESCI, Scopus Q2)		Vol. 36 No. 5, pp. 712-728	2022

23	Innovation capability: The impact of e-CRM and Covid-19 risk perception	1	x	Technology in Society. ISSN: 0160-791X. DOI: 10.1016/j.techsoc.2021. 101725	ISI (SSCI, IF=6.879, Q1)	57	Số 67, tập 2021, trang 101725	11/202 1
24	Understanding the effects of eco-label, ecobrand, and social media on green consumption intention in ecotourism destinations	1	x	Journal of cleaner production. ISSN: 0959- 6526. DOI: 10.1016/j.jclepro.2021.1 28995	ISI (IF=11.07, Q1)	38	Số 321, tập 2021, trang 128995	9/2021
25	Ecotourism intention: The roles of environmental concern, time perspective, and destination image	2	x	Tourism Review ISSN: 1660-5373. DOI: <u>10.1108/TR-09-2019- 0363</u>	ISI (IF=7.689) / Scopus Q1	36	Tập 76 số 5 trang 1141- 1153	11/202 1
26	Impact of environmental belief and nature-based destination image on ecotourism attitude	2	x	Journal of Hospitality and Tourism Insights. ISSN: 2514-9792. DOI: <u>10.1108/JHTI-03-2020- 0027</u>	ISI (ESCI, Scopus Q2)	23	Số 4 tập 3, trang 489-505	8/2020
27	Building Brand Equity in Hotel Industry: the mediating role of Customer-based Brand Satisfaction	2	x	International Journal of Hospitality and Tourism Systems. ISSN: 0974- 6250	Scopus Q4		Tập 13 số 2, trang 66- 77	2020
28	Brand Awareness, Perceived quality and perceived uniqueness on consumer intention and willing to pay premium for hotel services	3	x	International Journal of Hospitality and Tourism Systems. ISSN: 0974- 6250	Scopus Q4		Tập 14, số 1, trang 98- 105	2020
B	Các bài báo công bố trên tạp chí trong nước							
29	Giải pháp cho các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ taxi truyền thống trong cuộc cạnh tranh với taxi công nghệ	1	x	Tạp chí Quản lý và Kinh tế Quốc tế. ISSN: 1859- 4050			Số 123 (11/2019) , trang 62-74	11/201 9
30	Giải pháp cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong lĩnh vực du lịch trên cơ	1	x	Tạp chí Quản lý và Kinh tế Quốc tế. ISSN: 1859- 4050			Số 129 (6/2020), trang 22- 37	6/2020

	sở nghiên cứu hành vi của du khách						
31	Ảnh hưởng của tài sản thương hiệu đến lòng trung thành của khách hàng trong ngành hàng không	1	X	Tạp chí Quản lý và Kinh tế Quốc tế. ISSN: 1859- 4050		Số 132, trang 47-57	10/2020
32	Tác động của quản trị nguồn nhân lực đến gắn bó của nhân viên tại các hãng hàng không Việt Nam	1	x	Tạp chí Quản lý và Kinh tế Quốc tế. ISSN: 1859- 4050		Số 130, trang 28-41	8/2020
33	Các nhân tố ảnh hưởng đến triển khai e-CRM thành công tại hàng hàng không quốc gia Việt Nam	1	X	Tạp chí Khoa học Thương mại. ISSN: 1859-3666		Số 142 (2020), trang 45-51	6/2020
34	The impact of social network on tourist attitude toward ecotourism: a case of Vietnam	4	x	Journal of International Economics and Management. ISSN: 2615-9856. DOI: 10.38203/jiem.021.2.0031		Tập 21 số 2 (2021), trang 109-127	7/2021
35	Investigating the determinants of green consumption intention	5	x	Journal of International Economics and Management. ISSN: 2615-9856. DOI: 10.38203/jiem.021.3.0036		Tập 21 số 3 (2021), trang 73-90	11/2021
36	Tăng cường việc làm cho người lao động khuyết tật tại tỉnh Đắk Lắk trên các nền tảng số: Thực trạng và khuyến nghị	6		Tạp chí Khoa học Tây Nguyên. ISSN: 1859-4611		Số 51 (2021), trang 110-117	12/2021
37	Mở rộng cơ hội việc làm cho người khuyết tật thông qua phát triển nền tảng số tại Việt Nam	5		Tạp chí Quản lý và Kinh tế Quốc tế. ISSN: 1859- 4050		Số 140 (9/2021), trang 50-71	9/2021
38	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự trung thành của nhân viên trong doanh	2	x	Tạp chí khoa học Học viện phụ nữ. ISSN: 2615 - 9007		Tập 17 số 1-2022	1/2022

	nghiệp: Nghiên cứu tại doanh nghiệp Clark Material Handling						trang 72-80	
39	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong ngành bán lẻ Việt Nam: Bài học kinh nghiệm của Amazon	1	x	Tạp chí nghiên cứu tài chính kế toán. ISSN: 1859-4093			Tập 224, số 3 (2022), trang 92-96	3/2022
40	The application of e-Commerce in Vietnam Freight forwarding market	1	x	Journal of finance and accounting research. ISSN: 2588-1493			Tập 14, số 1 (2022), trang 10-15	1/2022
41	Xây dựng thương hiệu du lịch: Thực trạng đối với thị trường khách du lịch Đà Loan	1	x	Tạp chí nghiên cứu tài chính kế toán. ISSN: 1859-4093			Tập 227 số 6 (2022), trang 70-74	6/2022
42	Hành vi của khách du lịch độ tuổi 18-30 dưới tác động của mạng xã hội Tiktok	1	x	Tạp chí nghiên cứu tài chính kế toán. ISSN: 1859-4093			Tập 227 số 7 (2022), trang 41-46	7/2022
43	Các yếu tố ảnh hưởng đến sử dụng ví điện tử tại Việt Nam	2	X	Tạp chí Kinh tế dự báo. ISSN: 2734-9365			Tập 814 Số 24 tháng 8/2022, trang 113-117	8/2022
44	Evaluation of factors affecting Hanoi-based customers' online purchase decision	2	X	Tạp chí Kinh tế dự báo. ISSN: 2734-9365			Tập 811 số 21 tháng 7/2022, trang 113-116	7/2022
45	Quản trị rủi ro tín dụng tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	2	X	Tạp chí nghiên cứu tài chính kế toán. ISSN: 1859-4093			Tập 232 số 11, trang 29-33	11/2022 2

Handwritten signature

46	Thương mại điện tử tại Việt Nam: Thực trạng và giải pháp phát triển	2		Tạp chí Công thương. ISSN: 0866-7756		Số 21 (2022), trang 130-136	9/2022
47	Nghiên cứu ý định sử dụng túi mua sắm riêng của giới trẻ bằng phương pháp PLS-SEM	4		Tạp chí nghiên cứu kinh tế. ISSN: 0866-7489		Tập 535 số 12, trang 60-71	12/2022
48	The impact of Ai Chatbot on Long-term relationships between customers and hotels	2	X	VNU journal of Economics and Business. ISSN: 2734-9861. DOI: 10.57110/vnujeb.v2i6.145		Tập 2 số 6(2022), trang 59-67	12/2022
49	The impact of AI Chatbot on consumer willingness to pay: an empirical investigation in the hospitality industry	2	x	Journal of Trade Science. ISSN: 1859-3666. DOI: 10.54404/JTS.2022.10.04.08		Tập 10 số 4, trang 105-116	12/2022
50	Ảnh hưởng của áp dụng phần mềm chấm công khuôn mặt đến sự gắn bó công việc của nhân viên	3	x	Tạp chí Khoa học Quản lý và Kinh tế- Đại học Huế. ISSN: 2354-1350		Số 24 (12/2022), trang 1-15	12/2022
51	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi mua sắm trực tuyến các sản phẩm gia dụng	3	x	Tạp chí Kinh tế và Quản lý- Học viện chính trị quốc gia HCM. ISSN:1859-4565		Số 53 (2023), trang.3-11	01/2023
52	The impact of data security on the intention of vietnamese consumers to use e-wallets	3	x	Dalat university journal of science. ISSN: 0866-787X. DOI: 10.37569/DalatUniversity.13.4S.1116(2023)		Tập 13 số 4S, trang 3-19	2023
53	Vai trò của chất lượng môi trường kinh doanh đối với kết quả hoạt động của các doanh nghiệp nhỏ và vừa	6	x	Tạp chí nghiên cứu kinh tế. ISSN: 0866-7489		Tập 539, số 4, trang 28-41	4/2023
54	The impact of Drone delivery innovation on customer intention: an	2	x	VNU journal of Economics and Business. ISSN: 2734-		Tập 3 số 2, trang 102-111	4/2023

empirical study in Vietnam	9861. DOI: <u>10.57110/vnujeb.v3i2.1</u>	53
-------------------------------	---	----

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 19, bao gồm các bài số [9], [10], [11], [12], [13], [14], [15], [16], [17], [18], [19], [21], [22], [23], [24], [25], [26], [27], [28].

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TĐTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
2						
...						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng

ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:
.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:
.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

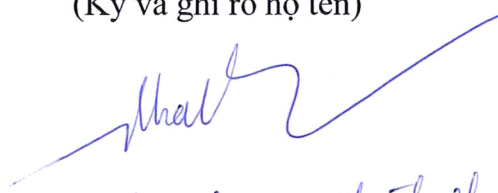
C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 5 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)


Nguyễn Thị Khánh Chi